

Bản án số: 159/2025/DS-PT

Ngày: 22- 4 -2025

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiêu biểu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

ông Phạm Văn Hợp

Các Thẩm phán:

ông Phạm Tồn

bà Võ Thị Ngọc Dung

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Đinh Tiên Hoàng** , Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:* bà **Trần Thị Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiêu biểu*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 992/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1971; Địa chỉ: **K N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng**; (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Đặng Thị C**, sinh năm 1974; Địa chỉ: **K T, tổ B, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng**; (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Tổ B, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Hiện đang cư trú tại Mỹ (không xác định được địa chỉ cụ thể); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2023, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:***

Vì hàng xóm thân thiết với nhau nhiều năm, bà H có cho bà Đặng Thị C vay tiền 02 lần, lần thứ nhất là 400.000.000đ, lần thứ hai là cho bà C mượn số tiền 300.000.000đ, bà C nói cho gái tên là Trần Thị B mượn nhưng thực tế tiền là bà C lấy. Tổng số tiền bà C mượn của bà H là 700.000.000 đồng, có viết giấy tờ nợ vào ngày 20/6/2019 (Âm lịch).

Ngoài ra, vào năm 2019, bà C còn tham gia chơi 02 dây biêu do bà H làm cái, 01 dây có 20 chân biêu và 01 dây biêu có 15 chân biêu, mỗi chân biêu trong 02 dây biêu đều đóng 20 triệu/tháng. Trong đó, 01 dây biêu bà C hốt vào chân thứ hai, 01 dây biêu bà C hốt vào chân thứ tư. Tổng cộng sau hốt biêu, trả tiền lời cho những người chơi biêu xong bà C trả cho bà H được số tiền 450.000.000đ, còn nợ lại bà H 250.000.000đ. Nội dung này mẹ con bà C có xác nhận vào mặt sau của giấy mượn tiền ngày 20/6/2019 (âm lịch).

Đối với tiền biêu, sau khi hốt cả 02 dây biêu, thì mỗi tháng bà C phải đóng cho bà H tiền biêu chết là 40.000.000đ. Tuy nhiên bà C chỉ đóng tiền biêu chết một thời gian thì không tiếp tục đóng tiền. Cụ thể, dây biêu 20 người chơi bà C còn nợ 04 tháng không đóng ($4 \times 20.000.000\text{đ}/1\text{tháng}$), dây biêu 15 người chơi bà C còn nợ 03 tháng không đóng ($3 \times 20.000.000\text{đ}/1\text{tháng}$). Nên tổng số tiền nợ biêu chết bà C còn nợ là ($7\text{ tháng} \times 20.000.000\text{đ}$) = 140.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền bà C còn nợ bà H là (250.000.000đ tiền mượn + 140.000.000đ tiền biêu chết chưa đóng) = 390.000.000đ. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị C trả lại tổng số tiền mượn và tiền biêu còn nợ trên. Tuy nhiên, do hoàn cảnh của bà C khó khăn nên bà H tự nguyện giảm cho bà C 90.000.000 đồng, còn lại yêu cầu bà C có trách nhiệm trả cho bà H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), bà H không yêu cầu tính tiền lãi.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Đặng Thị C trình bày:***

Ngày 20/4/2018 (Âm lịch) tôi có gọi điện thoại cho bà H mượn tiền của bà H hai lần, một lần số tiền 10.000.000đ và một lần số tiền 70.000.000đ, tổng cộng là 80.000.000đ.

Sau đó vào tháng 6 năm 2018 (âm lịch) tôi điện thoại và yêu cầu bà H cho mượn số tiền 300.000.000đ cho con gái tôi là Trần Thị N. Lúc mượn tôi có dẫn con gái tôi là Trần Thị N tới, nhưng bà H nói là vì tôi mượn thì mới đưa tiền, không có tôi thì không đưa tiền. Số tiền này cứ đến thời hạn hết tháng là tôi trả, sau đó đầu tháng tiếp theo là mượn lại. Cứ như vậy, cho đến tháng 11 khi mượn lại số tiền 300.000.000đ thì do làm ăn khó khăn nên con gái của tôi chỉ trả được 210.000.000đ, như vậy là còn nợ 90.000.000đ.

Như vậy tổng cộng tôi nợ bà H 170.000.000đ, cộng thêm tiền lời 10.000.000đ là tổng cộng là 180.000.000đ. Sau đó bà H cộng dồn lãi thêm

200.000.000đ nữa, đến tháng 10 năm 2019 (Âm lịch) bà H chốt tổng cộng nợ cả gốc và lãi là 380.000.000đ. Bà H tự lấy sổ cho mượn tiền ra, sổ này bà H giữ, tôi có ghi số tiền này trong sổ bà H.

Sau đó tôi liên lạc với con gái tôi là Trần Thị B để tâm sự, than phiền thì con gái tôi là B có nhờ tôi mượn giúp bà H 300.000.000đ. Thực tế bà H trừ trước lãi 75.000.000đ, còn lại đưa cho con gái tôi là Trần Thị B số tiền 225.000.000đ.

Tổng cộng 02 khoản nợ mà tôi ghi trong sổ bà H và khoản nợ mượn cho B là 680.000.000đ, chứ không phải 700.000.000đ như trong giấy mượn tiền mà bà H đã nộp. Khi con gái tôi qua Mỹ làm việc thì dịch Covid bùng phát, làm ăn khó khăn nên tôi mới nói bà H cho tôi 02 dây chân biêu tổng cộng số tiền 600.000.000đ để có tiền trả bà H. Thỏa thuận mỗi tháng tôi đóng 40 triệu đồng cho cả 02 dây biêu, nhưng thực tế các con gái tôi (Trần Thị B và Trần Thị P) gửi tiền về để đóng biêu cho bà H chứ tôi không có tiền đóng.

Tôi hốt biêu được 600.000.000 triệu, trả tiền lời 42.000.000đ, còn lại số tiền 558.000.000đ tôi trả nợ cho bà H. Như vậy, tôi chỉ còn nợ bà H 122.000.000đ. Về tiền biêu, theo con tôi nói hiện nay tiền biêu chỉ còn nợ bà H 05 tháng (một dây biêu còn nợ 03 tháng, một dây còn nợ 02 tháng) với số tiền là 5 tháng x 20.000.000đ/1 tháng = 100.000.000 đồng, không phải còn nợ 07 tháng với số tiền 140.000.000 đồng như bà H trình bày.

Tại Biên bản hòa giải ngày 26/8/2024 và tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị C xác nhận: Về khoản tiền mượn của bà C và tiền bà mượn để đưa cho con bà là Trần Thị B thì do bà C có yêu cầu thì bà H mới đưa tiền như bà H trình bày là đúng. Cả hai chân biêu cũng do bà C chơi và hốt như bà H trình bày. Về Giấy mượn tiền ghi ngày 20/6/2019 (AL) ghi tổng cộng nợ bà H 700.000.000đ, mặt sau của Giấy mượn tiền ghi ngày 21/10/2019 (AL), ghi nội dung: *Mẹ nợ dì H 700.000.000đ, có trả cho dì H 450.000.000đ, còn lại 250.000.000đ và Tiền biêu đóng mỗi tháng 40.000.000đ, từ tháng 8/2019 (AL) đến tháng 10/2020 là hết biêu*, là do con gái bà viết. Bà C thống nhất về trách nhiệm trả số tiền còn nợ, gồm khoản tiền bà C đã mượn và tiền biêu chết còn phải đóng cho bà H như bà H yêu cầu là trách nhiệm của bà C đối với bà H. Tuy nhiên, hiện nay gia đình bà đang khó khăn, nên bà C xin trả cho bà H số tiền cả khoản tiền mượn và tiền biêu chết còn phải đóng là 200.000.000 đồng và xin trả trong thời hạn 08 tháng, tính từ tháng 9 năm 2024, mỗi tháng 25.000.000 đồng. Toàn bộ khoản tiền này bà C có trách nhiệm trả, không liên quan đến con bà là Trần Thị B.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền biếu*” của nguyên đơn bà **Phạm Thị H** đối với bị đơn bà **Đặng Thị C**.

Buộc bà **Đặng Thị C** có trách nhiệm trả lại cho bà **Phạm Thị H** số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2024, bị đơn bà **Đặng Thị C** có đơn kháng cáo cho rằng chỉ còn nợ bà **Phạm Thị H** 200.000.000 đồng và xin trả dần. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà **Đặng Thị C** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà **Đặng Thị C** trong thời hạn, đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà **Đặng Thị C**

[2.1] Tại Giấy mượn tiền có mặt trước ghi ngày 20/6/2019 (Âm lịch), mặt sau ghi ngày 21/10/2019 (Âm lịch), thể hiện: bà **Phạm Thị H** cho bà **Đặng Thị C** vay tiền 02 lần tiền, lần thứ nhất là 400.000.000 đồng, lần thứ hai số tiền 300.000.000 đồng, tổng cộng là 700.000.000 đồng. Ngày 21/10/2019 (Âm lịch) bà **C** trả cho bà **H** 450.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng. Ngoài ra, bà **C** còn phải đóng tiền biếu của 02 dây biếu đã hốt mỗi tháng 40.000.000 đồng từ tháng 8/2019 Âm lịch đến tháng 10/2020 Âm lịch.

Bà **Phạm Thị H** xác định, về khoản tiền bà **C** mượn của bà và tiền bà mượn để đưa cho con là **Trần Thị B** thì do bà **C** có yêu cầu thì bà **H** mới đồng ý, tiền cũng giao trực tiếp cho bà **C**. Cả hai chân biếu cũng do bà **C** chơi và hốt. Dây biếu 20 người chơi bà **C** còn nợ 4 chân không đóng, dây biếu 15 người chơi còn nợ 3 chân không đóng tiền, tổng số tiền nợ biếu là 7 tháng x 20.000.000 đồng/1 tháng = 140.000.000 đồng. Tổng cộng, số tiền bà **C** còn nợ bà **H** là 250.000.000 đồng (tiền mượn) + 140.000.000 đồng (tiền biếu) = 390.000.000 đồng (Ba trăm chín

mười triệu đồng). Bà **Đặng Thị C** xác nhận có mượn tiền và chơi 02 chân biêu như bà **Phạm Thị H** trình bày và **G** mượn tiền bà **H** cung cấp. Bà **C** cũng thống nhất về trách nhiệm trả số tiền còn nợ, gồm khoản tiền đã mượn và tiền biêu chết còn phải đóng là trách nhiệm của bà **C** đối với bà **H**, không liên quan đến con bà là **Trần Thị B**. Do bà **C** không thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền mượn và tiền biêu còn nợ, nên bà **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **C** phải trả cho bà **H** số tiền 390.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà **H** tự nguyện giảm 90.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà **C** trả số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở. Bà **H** không yêu cầu trả tiền lãi do chậm trả, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **Đặng Thị C** cho rằng chỉ còn nợ bà **Phạm Thị H** cả khoản tiền mượn và tiền biêu chết còn phải đóng là 200.000.000 đồng và xin trả trong thời hạn 08 tháng, tính từ tháng 9 năm 2024, mỗi tháng 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà **C** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản nợ của bà đối với bà **H** chỉ là 200.000.000 đồng, bà **H** không đồng ý với đề nghị của bà **C** do đó không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị H** đối với bị đơn bà **Đặng Thị C**, buộc bà **C** có trách nhiệm trả cho bà **H** số tiền là 300.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà **Đặng Thị C**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: bà **Đặng Thị C** là người cao tuổi có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Đặng Thị C**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà **Đặng Thị C** được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng ;
- VKSND thành phố Đà Nẵng ;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVÀ, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Phạm Văn Hợp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tồn

Võ Thị Ngọc Dung

Phạm Văn Hợp